Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 02.08.2019 16:17:40 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 274 /BC-UBND	*Tây Ninh, ngày 02 tháng 8 năm 2019*

BÁO CÁO
Kết quả triển khai thực hiện tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng xã, huyện nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020

Thực hiện Công văn số 3007/BTNMT-TCMT ngày 25/6/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng nông thôn mới đối với các xã và tiêu chí số 7 về môi trường đối với các huyện, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh báo cáo như sau:

I. KHÁI QUÁT QUÁ TRÌNH CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo điều hành ở cấp tỉnh, huyện

a) Giai đoạn 2010 - 2015

- UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1679/QĐ-UBND ngày 24/8/2012 về việc phân công nhiệm vụ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020, trong đó giao 03 đơn vị phụ trách các chỉ tiêu của tiêu chí 17-Môi trường: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (chỉ tiêu 17.1, 17.7), Sở Tài nguyên và Môi trường (chỉ tiêu 17.2, 17.3), Sở Xây dựng (chỉ tiêu 17.4, 17.5). Các Sở được giao phụ trách đã ban hành văn bản hướng dẫn cấp xã, huyện thực hiện và thủ tục xác nhận đạt từng chỉ tiêu.

- UBND cấp huyện: Giao cho phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phòng Tài nguyên và Môi trường, phòng Kinh tế - Hạ tầng phụ trách từng chỉ tiêu tương ứng với nhiệm vụ đã giao cho cơ quan chuyên môn cấp tỉnh.

b) Giai đoạn 2016 - 2020

- Việc giao nhiệm vụ thực hiện tiêu chí 17 môi trường và an toàn thực phẩm theo Quyết định số 1200/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016 – 2020, trong đó giao 04 đơn vị phụ trách các chỉ tiêu: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (chỉ tiêu 17.1, 17.7), Sở Tài nguyên và Môi trường (chỉ tiêu 17.2, 17.3, 17.5), Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (chỉ tiêu 17.4), Sở Y tế (chỉ tiêu 17.6, 17.8). Các Sở được giao phụ trách đã ban hành văn bản hướng dẫn cấp xã, huyện thực hiện và thủ tục xác nhận đạt từng chỉ tiêu.

- Triển khai Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh về việc quy định mức hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày

21/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về chính sách hỗ trợ hệ thống xử lý nước hộ gia đình nông thôn trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

- UBND cấp huyện: Giao cho phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phòng Tài nguyên và Môi trường, phòng Văn hóa - Thông tin, phòng Y tế phụ trách từng chỉ tiêu tương ứng với nhiệm vụ đã giao cho cơ quan chuyên môn cấp tỉnh.

- Đối với các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới theo kế hoạch hàng năm, kết quả thực hiện tiêu chí môi trường được các Sở phụ trách thẩm định, xác nhận đạt từng chỉ tiêu theo đúng quy định của Trung ương, tỉnh.

2. Về cơ chế, chính sách hiện có (của huyện, tỉnh) hỗ trợ các xã thực hiện tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm

- Giai đoạn 2010 - 2015 thực hiện theo Quyết định số 53/2012/QĐ-UBND ngày 26/11/2012 của UBND tỉnh về Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội xã nông thôn mới giai đoạn 2011-2015, trong đó: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% xây dựng hệ thống cấp nước sạch hợp vệ sinh; ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% và 50% từ nguồn vốn huyện và vận động xây dựng hệ thống tiêu thoát nước khu dân cư; nguồn vốn huyện và vận động xây dựng nghĩa trang theo quy hoạch.

- Giai đoạn 2016 - 2020 thực hiện theo Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 của UBND tỉnh về Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, trong đó: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% xây dựng hệ thống cấp nước sạch hợp vệ sinh; ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% và 50% từ nguồn vốn huyện và vận động xây dựng hệ thống tiêu thoát nước khu dân cư; nguồn vốn huyện và vận động xây dựng nghĩa trang theo quy hoạch.

- Trên cơ sở quy định của tỉnh, các huyện, thành phố đã ban hành văn bản quy định tỷ lệ ngân sách huyện, ngân sách xã và vận động trong phạm vi phân bổ được giao của nguồn vốn huyện.

3. Phân công trách nhiệm, vai trò của Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành có liên quan trong công tác hướng dẫn, kiểm tra, xác nhận kết quả thực hiện từng nội dung cụ thể của tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm

- Giai đoạn 2010 – 2015: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phụ trách hướng dẫn, kiểm tra, xác nhận kết quả thực hiện chỉ tiêu 17.1, 17.7; Sở Tài nguyên và Môi trường phụ trách hướng dẫn, kiểm tra, xác nhận kết quả thực hiện chỉ tiêu 17.2, 17.3; Sở Xây dựng phụ trách hướng dẫn, kiểm tra, xác nhận kết quả thực hiện chỉ tiêu 17.4, 17.5. Các Sở được giao phụ trách đã ban hành văn bản hướng dẫn cấp xã, huyện thực hiện và thủ tục xác nhận đạt từng chỉ tiêu.

- Giai đoạn 2016 – 2020: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phụ trách hướng dẫn, kiểm tra, xác nhận kết quả thực hiện chỉ tiêu 17.1, 17.7; Sở Tài nguyên và Môi trường phụ trách hướng dẫn, kiểm tra, xác nhận kết quả thực

hiện chỉ tiêu 17.2, 17.3, 17.5; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phụ trách hướng dẫn, kiểm tra, xác nhận kết quả thực hiện chỉ tiêu 17.4; Sở Y tế phụ trách hướng dẫn, kiểm tra, xác nhận kết quả thực hiện chỉ tiêu 17.6, 17.8. Các Sở được giao phụ trách đã ban hành văn bản hướng dẫn cấp xã, huyện thực hiện và thủ tục xác nhận đạt từng chỉ tiêu.

4. Công tác thông tin, truyền thông về tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng xã, huyện nông thôn mới

Công tác tuyên truyền được quan tâm tập trung thực hiện, là nội dung quan trọng nhằm thay đổi, nâng cao nhận thức về tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng xã nông thôn mới, huy động sự tham gia của toàn xã hội, nâng cao vai trò của người dân chung sức xây dựng nông thôn và bảo vệ môi trường. Các Sở, UBND các huyện, thành phố đã chủ động triển khai tuyên truyền với nhiều hình thức: Tập huấn triển khai các văn bản hướng dẫn thực hiện tiêu chí, treo băng ron, khẩu hiệu, in ấn sổ tay hỏi và đáp, thông tin tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh, tổ chức các hội thi tuyên truyền …

5. Cơ chế huy động nguồn lực xã hội hóa của tỉnh, huyện, xã thực hiện tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm

Cơ chế huy động nguồn lực xã hội hóa từ các doanh nghiệp và người dân dựa trên tinh thần tự nguyện, đối với cán bộ công chức viên chức ủng hộ 01 ngày lương.

II. ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CỦA TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI

1. Đặc thù cơ bản của các xã trong thực hiện tiêu chí môi trường:

- Địa hình chung của các xã có địa hình đất đai tương đối bằng phẳng.

- Thành phần kinh tế chủ yếu là công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, mía đường, chế biến khoai mì, chế biến mủ cao su...

- Thành phần tôn giáo của các xã nhiều nhất là Đạo Cao Đài ngoài ra còn có các thành phần tôn giáo khác như Phật giáo, Công giáo, Hồi giáo, Tin lành ...

2. Xuất phát điểm của Tiêu chí môi trường từ giai đoạn 2010

Năm 2010, tỉnh Tây Ninh đang trong giai đoạn chuẩn bị công tác xây dựng nông thôn mới.

3. Đánh giá chung về kết quả thực hiện Tiêu chí môi trường đến năm 2015

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh:

+ Nước sạch theo quy chuẩn Quốc gia đáp ứng các chỉ tiêu theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia (QVCN: 02:2009/BYT): 229.178/237.008 hộ, đạt tỷ lệ 96,7%.

+ Nước sạch vệ sinh là nước sử dụng trực tiếp hoặc sau lọc thỏa mãn yêu cầu chất lượng: Không màu, không mùi, không vị lạ, không chứa thành phần

gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người, có thể dùng để ăn uống sau khi đun sôi: 114.878/237.008 hộ, đạt tỷ lệ 48,47%.

- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất – kinh doanh trên địa bàn tỉnh đạt chuẩn về môi trường:

+ Các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường nếu trong quá trình sản xuất, chế biến có xả nước thải, chất thải rắn, mùi, khói bụi, tiếng ồn nằm trong giới hạn theo quy định: Đạt ≥ 93%.

+ Chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh là chuồng trại đáp ứng các yêu cầu: Nằm cách biệt với nhà ở; chất thải chăn nuôi (phân, nước tiểu) được thu gom xử lý; không xả, chảy tràn trên bề mặt đất; không gây ô nhiễm nguồn nước và môi trường xung quanh: 23.530/28.514 hộ, đạt tỷ lệ 82,52%.

- Đường làng, ngõ xóm, cảnh quan từng hộ xanh – sạch – đẹp, không có hoạt động làm suy giảm môi trường: 40.958/44.186 hộ, đạt tỷ lệ 92,27%.

- Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định:

+ Hộ gia đình có nhà vệ sinh, nhà tắm đạt tiêu chuẩn quy định; có hệ thống tiêu thoát nước thải, chất thải sinh hoạt đảm bảo vệ sinh, không gây ô nhiễm không khí và nguồn nước xung quanh: Đạt tỷ lệ 56,84%.

+ Thôn, xã có tổ dịch vụ thu gom rác thải và xử lý tại bãi rác tập trung: Khu vực đô thị, thị trấn: Các đơn vị thu gom và vận chuyển rác sinh hoạt được trang bị phương tiện, thiết bị thu gom rác phù hợp gồm xe ép rác chuyên dùng, xe đẩy rác tay; Khu vực nông thôn: Các xã, thị trấn chưa thành lập được các HTX hoặc tổ dịch vụ vệ sinh môi trường. Một số khu vực đường nhỏ, vùng sâu vùng xa không có đơn vị thu gom người dân tự phân loại các chất thải tái chế bán phế liệu hoặc đốt, chất thải hữu cơ ủ làm phân bón; Một vài xã chưa bố trí được trạm trung chuyển rác, tuy nhiên với điều kiện địa lý, địa hình của tỉnh thì rác sau khi thu gom được tập kết, vận chuyển đến nhà máy xử lý trong ngày, không để tồn đọng.

Tây Ninh không sử dụng phương pháp chôn lấp rác thải sinh hoạt mà sử dụng công nghệ vi sinh học làm phân bón hữu cơ, công nghệ đốt kết hợp tái chế đảm bảo được bảo vệ môi trường.

4. Đánh giá chung về kết quả thực hiện Tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm đến tháng 6/2019

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định

+ Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh: 239.484/242.289 hộ, đạt tỷ lệ 98,84%; tỷ lệ số hộ dân cư sử dụng nước tự khai thác và các biện pháp lọc nước: 142.951/242.289 hộ, đạt tỷ lệ 59%; tỷ lệ hộ dân sử dụng nước đóng chai: 124.486/142.951, đạt tỷ lệ 87,08%.

+ Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung: 18.465/142.951 hộ, đạt tỷ lệ 12,92%.

- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường

+ Tỷ lệ cơ sở có hồ sơ về môi trường: Đạt ≥ 80%.

+ Tỷ lệ cơ sở có công trình xử lý chất thải: Đạt ≥ 80%.

+ Tỷ lệ cơ sở có chuyển giao chất thải cho các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý hoặc tự xử lý chất thải: Đạt.

- Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh – sạch – đẹp, an toàn: Kết quả tổ chức, triển khai thực hiện nội dung đường làng, ngõ xóm xanh sach đẹp; khu vực công cộng không có hiện tượng xả nước thải, chất thải bừa bãi gây mất mỹ quan: Các tuyến đường liên xã, ấp, huyện đã thực hiện bê tông hóa hoặc rãi nhựa, rãi đá bi. UBND các xã thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở người dân, các hộ gia đình sống ven đường giao thông không vứt rác bừa bãi, bố trí các thùng chưa rác tại các khu vực công cộng như trung tâm sinh hoạt, chợ…

- Tình hình tổ chức triển khai nội dung các hộ gia đình thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào, cổng ngõ không lầy lội: Hầu hết các hộ gia đình có vườn tạp đã thực hiện tốt công tác chỉnh trang hàng rào cổng ngõ.

- Theo Nghị quyết tỉnh Đảng bộ tỉnh Tây Ninh, đến nay tỷ lệ chất thải đô thị trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất – kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định:

+ Đối với chất thải rắn đô thị: Tỷ lệ thu gom, xử lý đạt 100%.

+ Về xử lý nước thải: Tỷ lệ thu gom, xử lý đạt 22%.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch:

+ Tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh: Đạt tỷ lệ 94%.

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường

+ Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi có hồ sơ môi trường: Đạt ≥ 80%.

+ Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi thu gom, xử lý chất thải: Đạt ≥ 80%.

+ Các hình thức, biện pháp thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi: Các biện pháp xử lý chất thải như sử dụng hệ thống biogas, đệm lót sinh học, ủ phân hữu cơ hoặc sử dụng vôi, tro trấu.

- Tỷ lệ hộ gia đình cơ sở sản xuất – kinh doanh thực phẩm tuân thủ quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: Đạt tỷ lệ 100%.

5. Nhận định về sự chuyển biến trong ý thức và sự tham gia của các tổ chức, người dân, cộng đồng; sự vào cuộc của các cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức đoàn thể…

Công tác tuyên truyền được tổ chức thường xuyên, đa dạng hình thức tuyên truyền đã làm thay đổi cơ bản về nhận thức và hành động của các cơ quan tổ chức và cộng động, hưởng ứng tự nguyện đóng góp tiền của, công sức, đất đai góp phần chung sức xây dựng nông thôn mới.

6. Những khó khăn vướng mắc cần tiếp tục tháo gỡ trong việc thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới

- Một số tiêu chí chưa có văn bản hướng dẫn của các Bộ ngành nên gặp khó khăn trong công tác triển khai hướng dẫn thực hiện.

- Trình độ chuyên môn cán bộ cấp xã, ấp chưa đồng đều còn nhiều hạn chế nên cũng ảnh hưởng đến công tác triển khai thực hiện nông thôn mới.

- Việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng qua các ngân hàng để mua máy móc, thiết bị nông nghiệp còn nhiều bất cập về thủ tục như trình tự cho vay, hồ sơ, thẩm định…

- Bên cạnh đó cũng còn một số trường hợp người dân ý thức chưa cao, vì vậy công tác tuyên truyền vận động người dân thay đổi hành vi sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh tại một số địa phương còn hạn chế.

- Kinh phí hỗ trợ các hộ nghèo để xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh còn gặp nhiều khó khăn.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU TRONG TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI

Tính đến tháng 6/2019, trên địa bàn tỉnh chưa có huyện đạt tiêu chí môi trường huyện nông thôn mới.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những nội dung đã làm được

- Nhìn chung, Chương trình MTTQ xây dựng nông thôn mới đã được Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành tỉnh phối hợp, hướng dẫn thực hiện các tiêu chí. Bộ máy chỉ đạo, giúp việc các cấp từng bước được rà soát, kiện toàn. Việc nâng cao kiến thức, năng lực quản lý điều hành của cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp, công tác tuyên truyền, hướng dẫn được quan tâm triển khai. Công tác phối hợp với UBMTTQ và các tổ chức chính trị xã hội trong công tác xây dựng nông thôn mới tiếp tục phát huy và đạt được một số kết quả thiết thực; nhận thức của hệ thống chính trị, nhân dân đã có những chuyển biến rõ rệt và từng bước được nâng cao; công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên.

- Các đồ án quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới cơ bản đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của các địa phương.

- Công tác đào đạo, bồi dưỡng đã giúp cho cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp có những kiến thức cơ bản về nội dung, trình tự triển khai xây dựng nông thôn mới. Thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ, công chức cấp xã. Công tác tuyên truyền được triển khai thực hiện thường xuyên, đa dạng phong phú về nội dung và hình thức tuyên truyền.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

- Công tác rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới thực hiện đôi lúc còn chậm. Sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn, liên kết chuỗi sản xuất gắn tiêu thụ phát triển chậm.

- Kinh phí phân bổ cho các xã để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới còn thấp.

- Các chỉ tiêu về môi trường vẫn mang tính chất tương đối, chưa cụ thể về khối lượng, dẫn đến việc khó xác định, đánh giá. Sự chỉ đạo của lãnh đạo các cấp chính quyền trong vấn đề quản lý, bảo vệ môi trường nông thôn còn chưa thực sự quyết liệt. Công tác xây dựng cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp thực hiện chưa đồng đều.

- Công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt chỉ tập trung ở khu đô thị, chợ, công cộng, khu dân cư tập trung. Đối với các khu dân cư phân tán, nhỏ lẻ, hộ gia đình ở xa khu dân cư tập trung vẫn chưa được tổ chức thu gom đầy đủ.

- Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 691/QĐ-TTg về việc Ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu (nâng cao) giai đoạn 2018 - 2020, trong đó có quy định Tiêu chí môi trường nâng cao. Tuy nhiên đến nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Tiêu chí môi trường nâng cao theo Quyết định số 691/QĐ-TTg.

2.2. Nguyên nhân

- Trình độ chuyên môn cấp xã, ấp chưa đồng đều nên cũng ảnh hưởng đến công tác triển khai, thực hiện rà soát diều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

- Nguồn lực huy động từ doanh nghiệp và nhân dân còn nhiều hạn chế do phụ thuộc vào tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và điều kiện kinh tế của người dân.

- Các mô hình sản xuất theo cánh đồng lớn gắn liền với liên kết sản xuất, tiêu thụ còn gặp khó khăn do chưa có nhiều doanh nghiệp đầu tư bao tiêu sản phẩm. Một số cây trồng do người dân tự chuyển đổi, chưa áp dụng đúng quy trình sản xuất dẫn đến chất lượng sản phẩm không đảm bảo.

V. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN SAU 2020

1. Nhiệm vụ trọng tâm

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới.

- Thường xuyên kiểm tra giám sát công tác thu gom, xử lý chất thải sản xuất và chất thải nông thôn.

- Duy trì, nâng cao chất lượng các xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định và gắn với cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng hiện đại hóa, công nghiệp hóa, ngâng cao giá trị và phát triển bền vững.

- Điều chỉnh quy hoạch, đề án xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại nông nghiệp, phù hợp vố quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, khả năng bố trì, huy động nguồn lực địa phương.

- Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, khoa học công nghệ, công nghệ cao vào sản xuất.

- Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân, tích cực vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế.

2. Giải pháp cụ thể

- Rà soát, cập nhật cơ chế, chính, văn bản hướng dẫn thực hiện xây dựng nông thôn mới; hỗ trợ các huyện, xã khó khăn thực hiện các tiêu chí.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân, chính quyền và các đoàn thể về bảo vệ môi trường; lồng ghép các nội dung cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", thực hiện quy ước trong giữ gìn vệ sinh môi trường nông thôn.

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở các cấp nhằm đáp ứng được yêu cầu, quy định xây dựng nông thôn mới.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc đánh giá kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các cấp theo lĩnh vực được phân công nhằm phát hiện, tháo gỡ kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện các tiêu chí.

- Xây dựng kế hoạch duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí về môi trường, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển bền vững.

- Kịp thời khuyến khích, khen thưởng động viên các tập thể, cá nhân điển hình trong công tác xây dựng nông thới.

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương xem xét ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện các chỉ tiêu thuộc tiêu chí 17 về môi trường và an toàn thực phẩm đối với các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018 - 2020.

Trên đây là báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về kết quả triển khai thực hiện tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng xã, huyện nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020./.

Nơi nhận:
- Bộ TN&MT;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TNMT;
- Sở NNPTNT;
- LĐVP-CVK;
- Lưu: VT, VP.ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

11KTTC_V NAM_BCUB

5

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Chiến

PHỤ LỤC

Kết quả thực hiện tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm xã nông thôn mới

Stt	Nội dung	Tổng số xã trên địa bàn	Số xã đạt tiêu chí môi trường/tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới			Ghi chú
			Đến 12/2010	Đến 12/2015	Đến 3/2019	
A	**Thông tin chung**	**80**	**0**	**16/16**	**64/36**	Sở NN&PTNT phụ trách
1	Huyện Bến Cầu	8	0	2/16	7/36	
2	Huyện Gò Dầu	8	0	2/16	8/36	
3	Huyện Trảng Bàng	10	0	2/16	9/36	
4	Huyện Dương Minh Châu	10	0	2/16	6/36	
5	Huyện Châu Thành	14	0	2/16	11/36	
6	Huyện Hòa Thành	7	0	2/16	7/36	
7	Huyện Tân Biên	9	0	2/16	9/36	
8	Huyện Tân Châu	11	0	1/16	5/36	
9	Thành phố Tây Ninh	3	0	1/16	2/36	
B.	**Thông tin cụ thể**					
I	**Chỉ tiêu 17.1 về Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn quốc gia**	Tổng số hộ	Số hộ dùng nước hợp sạch/Tổng số hộ			
			Đến 12/2010	Đến 12/2015	Đến 6/2019	Sở NN&PTNT phụ trách
1	Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh		85%	229.178/237.008 hộ, đạt tỷ lệ: 96,7%	239.484/242.289 hộ, đạt tỷ lệ: 98,84%	
2	Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch tập trung			14.140/114.878 hộ, đạt tỷ lệ 12,31%	18.465/142.951 hộ, đạt tỷ lệ: 12,92%	
II	**Chỉ tiêu 17.2 Tỷ lệ các cơ sở SXKD, NTTS, làng nghề đảm bảo quy định về BVMT**	Tổng số cơ sở	Tổng số cơ sở SXKD đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường			Sở Tài nguyên và Môi trường phụ trách
			Đến 12/2010	Đến 12/2015	Đến 6/2019	
1	Số cơ sở có ĐTM hoặc đề án BVMT	1.509	0	73	229	
2	Số cơ sở có KHBVMT hoặc CKBVMT	1.509	0	291	916	

3	Số hộ có biện pháp xử lý chất thải	1.509	0	364	1.145	
III	**Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh – sạch – đẹp**		Đến 12/2010	Đến 12/2015	Đến 6/2019	
1	Tỷ lệ đường hoa, cây xanh trên địa bàn		0	Đạt	Đạt	
IV	**Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạc, theo quy định cụ thể của UBND tỉnh**	Tổng số xã	Đến 12/2010	Đến 12/2015	Đến 6/2019	Sở Văn Hóa TT&DL phụ trách (Không báo cáo số liệu)
1	Tỷ lệ xã có quy hoạch đất làm nghĩa trang					
2	Tỷ lệ xã có quy chế quản lý nghĩa trang					
V	**Chỉ tiêu 17.5 CTR trên địa bàn và nước thải KDC tập trung, cơ sở SXKD được thu gom, XL theo quy định**		Đến 12/2010	Đến 12/2015	Đến 6/2019	Số liệu thống kê tại đồ án điều chỉnh quy hoạch quản lý CTR tỉnh Tây Ninh đến năm 2020 định hướng đến năm 2030
1	Đối với QL chất thải rắn					
a	Tổng lượng phát sinh				Khoảng 411,59 tấn/ngày (đô thị 241,19 tấn/ngày, tỷ lệ thu gom đạt 100%)	
b	Biện pháp xử lý			Công nghệ vi sinh học làm phân bón hữu cơ, công nghệ đốt kết hợp tái chế		
2	Đối với nước thải đô thị					
a	Tỷ lệ KDC có hệ thống thoát nước		0	Đạt	22%	
b	Tỷ lệ hộ gia đình có biện pháp XLNT		0	Đạt	Đạt	
VI	**Chỉ tiêu 17.6 Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch**	Tổng số hộ	Đến 12/2010	Đến 12/2015	Đến 6/2019	Sở Y tế phụ trách
1	Số hộ có nhà tắm, nhà tiêu hợp vệ sinh		56,84%	91,34%	Trên 94%	
2	Số hộ có bể chứa nước hợp vệ sinh					
VII	**Chỉ tiêu 17.7 Tỷ lệ hộ chăn nuôi có**	TS hộ CN	Đến 12/2010	Đến 12/2015	Đến 6/2019	Sở NN&PTNT

	chuồng trại chăn nuôi ĐB VSMT					phục trách
1	Số cơ sở chăn nuôi có HSMT				Đạt ≥ 80%.	
2	Số CSCN thu gom, XL chất thải				Đạt ≥ 80%.	
VIII	**Chỉ tiêu 17.8 Tỷ lệ hộ gia đình và CSSXKD thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm**	Tổng số hộ	Đến 12/2010	Đến 12/2015	Đến 6/2019	Sở Y tế phụ trách (Không báo cáo số liệu)
	Số hộ, cơ sở đảm bảo về ATTP					